TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ G** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 09 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

2. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Võ Minh Thu** –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Thị Thanh Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Quách Văn N**, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau. *(Vắng mặt)*

- *Bị đơn*: Bà **Dương Thị T**, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Quách Văn N trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Ông và bà T sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2005, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30 tháng 6 năm 2005. Ly thân hơn 01 năm nay, lý do: Vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên mâu thuẫn, cự cải và xúc phạm lẫn nhau, đã từ lâu hai bên sống nhưng không ai quan tâm, chăm sóc

lẫn nhau, tự ai nấy sống, đồng thời từ khi ly thân cho đến nay hai bên không hàn gắn. Nay ông N yêu cầu ly hôn với bà T.

+ Việc nuôi con: Ông và bà T có một người con chung tên Quách Huy T, sinh ngay 16 tháng 3 năm 2006 và hiện đang sống chung với bà T. Ông N yêu cầu giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng và ông tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng.

+ Chia tài sản: Ông và bà T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Dương Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không thể tiến hành lấy lời khai được.

- Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không có mặt theo giấy triệu của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Quách Văn N xin ly hôn với bà Dương Thị T.

+ Về quan hệ con: Giao cháu Quách Huy T, sinh ngay 16 tháng 3 năm 2006 cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông N cấp dưỡng nuôi cháu T 2.000.000đ/tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 13 tháng 9 năm 2021 đến khi cháu T tròn 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

+ Về tài sản: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn Quách Văn N vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn bà Dương Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên việc xét xử vắng mặt của họ là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Quan hệ hôn nhân**: Do bà Dương Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không thể tiến hành lấy lời khai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của ông Quách Văn N để giải quyết theo quy định. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà T là hôn nhân hợp pháp. Thông qua lời khai của ông N đã chứng minh được, ông N và bà T ly thân hơn 01 năm nay, với những lý do mà ông N đưa ra. Từ đó,

cho thấy hôn nhân giữa họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của ông N được ly hôn với bà T.

[3]. **Việc nuôi con**:

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.*"

- Cháu T sống chung với bà T từ khi ly thân cho đến nay và đang phát triển bình thường, nên việc ông N yêu cầu tiếp giao cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu T và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận: Giao cháu Quách Huy T, sinh ngay 16 tháng 3 năm 2006 cho bà Dương Thị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Ông Quách Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp tục nuôi, mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng:

+ Tại khoản 1 Điều 116 luật Hôn nhân và Gia đình quy định "*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yêu cầu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*".

+ Mặc dù không tiến hành lấy lời khai của bà T để xác định yêu cầu cấp dưỡng nhưng ông N đồng ý cấp dưỡng với 2.000.000đ/tháng. Xét thấy việc ông N đồng ý cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận: Buộc ông Quách Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Quách Huy T, sinh ngay 16 tháng 3 năm 2006, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 13 tháng 9 năm 2021 cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi, theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng, với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng.

[4]. **Chia tài sản**: Do ông Quách Văn N xác định không có tài sản chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. **Về án phí**:

- Ông Quách Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng, tổng cộng 600.000đ. Ông N đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003593 ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G được chuyển thu án phí và ông N còn phải tiếp tục nộp 300.000 đồng.

- Bà Dương Thị T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 14, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Quách Văn N và bà Dương Thị T.

2. Việc nuôi con:

- Giao cháu Quách Huy T, sinh ngay 16 tháng 3 năm 2006 cho bà Dương Thị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Ông Quách Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp tục nuôi, mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Buộc ông Quách Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Quách Huy T, sinh ngay 16 tháng 3 năm 2006, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 13 tháng 9 năm 2021 cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi, theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng, với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng.

- Bà Dương Thị T được nhận toàn bộ số tiền cấp dưỡng cho cháu T từ việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của ông Quách Văn N.

3. Chia tài sản: Do ông Quách Văn N xác định không có tài sản chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

- Ông Quách Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng, tổng cộng 600.000đ. Ông N đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003593 ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G được chuyển thu án phí và ông N còn phải tiếp tục nộp 300.000 đồng.

- Bà Dương Thị T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Tấn